

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2018/DS-ST
Ngày: 29-8-2018
V/v: Tranh chấp Hợp đồng góp
hụi giữa anh U, chị B với bà Y.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Triển

Bà Trần Thị Quế Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 về “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 156/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 116/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh P T U, sinh năm 1988 (có mặt)

Chị L T B, sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp V P, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Bà P T Y, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp V T, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 18-01-2018, nguyên đơn anh P T U, chị L T B trình bày: anh chị có tham gia chơi dây hụi do bà P T Y làm chủ như sau: Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 10-11-2016 âm lịch, nhằm ngày 08-12-2016, tổng số 24 phần, anh chị tham gia 2

phần lấy tên vợ U trong danh sách hội, 2 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 14 ngày 10-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 27-12-2017 thì ngưng do bà Y tuyên bố bế hội; anh chị đóng 2 phần hội sống 13 lần là 38.400.000đ. Nay anh chị yêu cầu bà P T Y có nghĩa vụ trả lại anh chị tiền đóng hội sống là 38.400.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-3-2018, nguyên đơn anh P T U, chị L T B trình bày: anh chị đóng 2 phần hội sống 13 lần là 45.600.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh P T U, chị L T B trình bày:

Đối với dây hội 3.000.000đ, khai lần đầu ngày 10-11-2016 âm lịch, nhằm ngày 08-12-2016, anh chị xác định số tiền đóng hội sống là 38.400.000đ.

Đối với dây hội 1.000.000đ, hội kỳ, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 25-9-2016 âm lịch, nhằm ngày 25-10-2016, tổng số 20 phần, anh chị có tham gia 1 phần lấy tên vợ U trong danh sách hội, 1 phần hội đã hết. Anh chị còn nợ bà Y 5 lần hội chết là 5.000.000đ.

Anh chị tự nguyện đồng ý khấu trừ 5.000.000đ tiền hội chết còn nợ bà Y; anh chị chỉ yêu cầu bà Y trả lại số tiền nợ hội là 33.400.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15-3-2018, bị đơn bà P T Y trình bày: anh P T U, chị L T B có tham gia chơi dây hội do bà làm chủ như sau: Dây hội 3.000.000đ, hội tháng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 10-11-2016 âm lịch, nhằm ngày 08-12-2016, tổng số 24 phần, anh U chị B tham gia 2 phần lấy tên vợ U trong danh sách hội, 2 phần hội còn sống. Hội khai đến lần thứ 14 ngày 10-11-2017 âm lịch, nhằm ngày 27-12-2017 thì ngưng do bế hội; anh U chị B đóng 2 phần hội sống 13 lần là 45.600.000đ.

Ngoài ra anh U chị B còn tham gia dây hội Dây hội 1.000.000đ, hội kỳ, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 25-9-2016 âm lịch, nhằm ngày 25-10-2016, tổng số 20 phần, anh U chị B tham gia 1 phần lấy tên vợ U trong danh sách hội, 1 phần hội đã hết. Anh U chị B còn nợ bà 5 lần hội chết là 5.000.000đ.

Nay trước yêu cầu đòi tiền đóng hội sống của anh U chị B, bà xác định còn nợ tiền đóng hội sống của anh U chị B là 45.600.000đ, bà đồng ý trả cho anh U chị B số tiền trên, yêu cầu anh U chị B khấu trừ tiền hội chết 5.000.000đ và yêu cầu không tính lãi. Về phương thức thanh toán bà sẽ bán tài sản để trả nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bị đơn bà P T Y, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Y vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn bà Y.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 471; Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng góp hội.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ địa chỉ bị đơn, đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ danh sách hội do nguyên đơn cung cấp; Biên bản lấy lời khai của anh P T U, chị L T B ngày 13-3-2018 và Biên bản bản lấy lời khai của bà P T Y ngày 15-3-2018. Ngày 18-01-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*:

Căn cứ danh sách hội do nguyên đơn cung cấp (bút lục 14);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai anh P T U, chị L T B ngày 13-3-2018 (bút lục 28 – 30);

Căn cứ Biên bản lấy lời khai bà P T Y ngày 15-3-2018 (bút lục 31 – 33),

Từ các căn cứ trên có cơ sở kết luận giữa nguyên đơn anh U chị B và bị đơn bà Y có phát sinh quan hệ hợp đồng góp hội, việc góp hội này đã không kết thúc mà bị bế hội vào tháng 11/2017 âm lịch.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày số tiền đóng hội sống là 38.400.000đ và yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này, không yêu cầu tính lãi. Tại biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày số tiền đóng hội sống là 45.600.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đóng hội sống là 38.400.000đ, tự nguyện đồng ý khấu trừ 5.000.000đ tiền hội chết còn nợ bị đơn, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn trình bày số tiền đóng hội sống của nguyên đơn là 45.600.000đ, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này nhưng yêu cầu được khấu trừ tiền hội chết nguyên đơn còn nợ là 5.000.000đ, bị đơn yêu cầu được bán tài sản trả nợ dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp hiệu lực của hợp đồng góp hội. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội sống đã đóng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét hiệu lực của hợp đồng góp hội.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thống nhất số tiền đóng hội sống của nguyên đơn các dây hội là 45.600.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đóng hội sống là 38.400.000đ, tự nguyện đồng ý khấu trừ 5.000.000đ tiền hội chết còn nợ bị đơn; nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ hội là 33.400.000đ, không yêu cầu tính lãi.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn anh P T U, chị L T B:* Xét mối quan hệ tranh chấp trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội, dẫn đến dây hội bị bể hội. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hội sống đã đóng, không yêu cầu tính lãi. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ hội là 33.400.000đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] *Đối với bị đơn bà P T Y trình bày:* thống nhất và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền đóng hội sống là 45.600.000đ, nhưng không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, bị đơn bà Y phải chịu hậu quả pháp lý của việc không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Đối với dây hội 1.000.000đ, hội kỳ, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu ngày 25-9-2016 âm lịch, nhằm ngày 25-10-2016, tổng số 20 phần, anh U chị B tham gia 1 phần lấy tên vợ U trong danh sách hội, 1 phần hội đã hốt. Anh U chị B còn nợ bà Y 5 lần hội chết là 5.000.000đ. Bà Y yêu cầu được khấu trừ. Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện đồng ý khấu trừ 5.000.000đ tiền hội chết còn nợ bị đơn. Để giải quyết triệt để vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết khấu trừ tiền hội chết nguyên đơn còn nợ bị đơn.

[6] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn anh U chị B 960.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003292 ngày 07-02-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Y có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn anh U chị B 33.400.000đ nên bị đơn bà Y phải chịu 1.670.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh P T U, chị L T B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-8-2018).

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Điều 429; Điều 471; Điểm b, d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh P T U, chị L T B.

[2] Buộc bị đơn bà P T Y phải trả một lần cho nguyên đơn anh P T U, chị L T B số tiền đóng hui sống còn nợ là 33.400.000đ (ba mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn anh P T U, chị L T B 960.000đ (chín trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003292 ngày 07-02-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn bà P T Y phải chịu 1.670.000đ (một triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn anh P T U, chị L T B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-8-2018)

Bị đơn bà P T Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà